

Bản án số: **332** /2017/HSST

Ngày: 28/12/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN L, TP. HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Vũ Thị Thu Hằng**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Thắng

2. Bà Nguyễn Thị Kim Phụng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Vân – Cán bộ Tòa án nhân dân quận L.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận L tham gia phiên tòa:

Nguyễn Thị Oanh- Kiểm sát viên.

Ngày 28/12/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận L, TP. Hà Nội xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 258/2017/HSST ngày 02/10/2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 362/2017/QĐ-HSST ngày 14/12/2017 đối với bị cáo:

TRẦN VIỆT D, sinh năm: 1991; HKTT và nơi ở: Số 72 ngõ H4, phường M2, quận Tr, TP. Hà Nội. Dân tộc: Kinh. Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 9/12 ; Con ông: Trần Việt C1 và bà: Trần Thị Thu H3; Tiền án, tiền sự: Theo danh bản, chỉ bản số **276** lập ngày **17/4/2017** của Công an quận L, thành phố Hà Nội và lý lịch địa phương cung cấp, bị cáo có 1 tiền sự Đi cai nghiện bắt buộc (từ 25/8/2010 đến 25/8/2012) theo QĐ số 2496 ngày 23/7/2010 của UBND quận Tr, Hà Nội, về 25/8/2014 (đã được xóa). Tiền án: Không. Bị cáo bị bắt ngày **16/4/2017**, hiện tạm giam tại Trại tạm giam số 1 – Công an thành phố Hà Nội. Số giam: 2448P19 (Có mặt)

Người bị hại:

1. Anh Lê Phúc M1, sinh năm 1993.

HKTT: tổ 12 S, L, Hà Nội (Vắng mặt)

2. Bà Trương Thị Ph1, sinh năm 1954; Địa chỉ: số 21, tổ 12, phường S, quận L, Hà Nội (Vắng mặt)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Phạm Thế H1, sinh năm 1992; HKTT: tổ 12, phường Ph, quận L, Hà Nội; Nơi ở: Số 3, tổ 12, phường Ph, quận L, Hà Nội. (Vắng mặt)

2. Anh Dương Trung H2, sinh năm 1988; Địa chỉ: Số 38 Ng, phường C, quận Tr, Hà Nội. (Vắng mặt)

Người làm chứng:

1. Anh Đoàn Văn Tr1, sinh năm 1981; Địa chỉ: Số 11 ngách 15, ngõ Th1, Kh, quận Đ1, Hà Nội. (Vắng mặt)

2. Anh Nguyễn Trọng C1, sinh năm 1987; Địa chỉ: Số 3 ngõ 45 Đ, Qu, quận Đ1, Hà Nội. (Vắng mặt)

3. Anh Văn Cát T, sinh năm 1999; quê quán: M, Hà Nội; HKTT: Số 8 ngõ H, phường V1, quận Đ1, Hà Nội. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng hai năm trước đây, anh Lê Phúc M1, sinh năm 1993, HKTT: Tổ 12 S, quận L, Hà Nội có đi chơi điện tử cùng bạn là L1 (chưa rõ địa chỉ) thì gặp Trần Việt D. L1 làm quen và nhờ D chở L1 và M1 về nhà bạn trai của L1 tên là Ph2 tại Đ – Gi. Tại nhà Ph2, trong khi D ngủ thì L1 lấy điện thoại Iphone 5C của D chơi điện tử, do sơ xuất làm rơi điện thoại bị hỏng. Sau đó L1 và M1 mang điện thoại

của D đi sửa. Khi ngủ dậy, được Ph2 kể lại sự việc D đã ra gặp M1 và L1 để bắt đền điện thoại thì M1 nói do L1 làm hỏng rồi M1 đi về. Sau đó, do cả D và L1 không có tiền nên không quay lại lấy điện thoại ở cửa hàng mà cùng đi về .

Đến sáng 10/4/2017, Trần Việt D gặp lại L1 và bắt đền điện thoại. Do sợ hãi nên L1 đổ cho Lê Phúc M1 làm hỏng điện thoại của D và nói với D: “anh M1 bây giờ kinh tế rất khá, đang làm chủ hiệu cầm đồ” rồi hứa sẽ liên lạc với M1 để D gặp. Đêm ngày 10/4/2017, tại nhà Nguyễn Trọng C1 – SN 1987, HKTT: Số 3 ngõ 45 Đ – Qu– quận Đ1 – Hà Nội, L1 và Đoàn Văn Tr1 (bạn của L1) cùng C1 đang chơi điện tử tầng 3 thì D đến, D bảo L1 liên lạc với M1 và bố trí cho D gặp M1. L1 đã lên mạng Facebook liên lạc được với M1 và giả nhờ M1 đón L1 và bạn gái của L1 ở số 95 V, phường S, quận L để cùng đi chơi điện tử, M1 đồng ý. Sau đó D nói với C1: “Anh cùng em đi sang Gi gặp thằng ăn trộm điện thoại của em, cái L1 hẹn gặp nó ở quán net”. C1 đồng ý rồi gọi xe taxi đến chở L1 cùng D và C1 đi sang L gặp M1. Lúc này M1 đang đi chơi cùng bạn là anh Phạm Thế H1 – SN 1992, HKTT: Tổ 12 phường Ph – quận L – Hà Nội. M1 mượn điện thoại Sam Sung Note 2 màu trắng của anh H1 để liên lạc với L1. Khoảng 03h00’ ngày 11/4/2017, M1 mượn xe máy Honda Wave RSX màu đỏ đen, BKS 30P9 – 1326 của anh H1 để đi đón L1. Khi kiểm tra điện thoại thấy sắp hết pin nên anh M1 mượn thêm chiếc điện thoại Iphone 4 màu đen (bị vỡ kính sau) của anh H1 để liên lạc với L1. Khi Trần Việt D cùng L1 và Nguyễn Trọng C1 đi xe taxi đến trước ngách 95/4 V thì gặp M1 đang ngồi trên xe máy đợi. L1 bảo M1 và bảo xe taxi dừng lại. M1 nghe tiếng L1 gọi thì đi xe máy đỗ ở sau xe taxi, D từ cửa sau xe taxi bước xuống. Thấy D thái độ hung hăng, M1 định bỏ chạy thì bị D túm vào vai áo kéo lại và chửi: “A! con chó này, mày có nhớ tao không, mày lên xe”. Do sợ và thấy L1 vẫn ngồi trên xe, bản thân M1 cũng muốn giải quyết dứt điểm với L1 và D về chiếc điện thoại hỏng từ thời gian trước nên M1 lên ngồi ở ghế sau xe taxi. D bảo xe taxi trở sang quận Tr, còn D điều khiển xe máy của M1 đi theo sau. Khi đến khu vực trường Trung học cơ sở Tr thuộc phường Th, quận Tr, Hà Nội thì xe taxi dừng lại. D trả tiền xe taxi rồi tiếp tục

sử dụng xe máy của M1 trở M1, C1, L1 về nhà bạn trai của L1 là Đoàn Văn Tr1 – SN 1981, HKTT: số 11 ngách 15 ngõ Th, phường Th, quận Đ1, TP. Hà Nội để giải quyết. Đến nơi, Tr1 bảo tất cả đi lên tầng 2 (Vì ở tầng 1 có mẹ Tr1 đang ngủ). Lúc này còn có Văn Cát T (tức cu B) – SN 1999, HKTT: số 8 Ng, phường V1, quận Đ1, Hà Nội là bạn của Tr1 đang ngồi chơi điện tử. Mặc dù M1 đã nói điện thoại là do L1 làm hỏng, nhưng D vẫn đe dọa M1: “Hôm nay mày không trả tiền tao thì còn lâu tao mới cho mày về”, đồng thời bắt M1 ngồi vào góc nhà và nói: “Cởi quần áo ra, trong túi có gì lấy hết”. Khi M1 đã cởi quần áo ra thì C1 can ngăn nên D không bắt M1 cởi quần áo nữa. M1 tự lấy chiếc điện thoại Samsung Note 2 màu trắng để trong túi quần ra đưa cho D. Mặc dù 02 (Hai) điện thoại M1 mang theo đều là mượn của anh Phạm Thế H1, nhưng do sợ hãi nên M1 khóc và xin đền điện thoại cho D và bảo D mang 02 (Hai) điện thoại đó đi bán lấy tiền. Sau đó D đi xuống mở cốp xe máy của M1 lấy tiếp chiếc điện thoại Iphone 4 còn lại rồi đem 02 (Hai) điện thoại M1 vừa đưa bán cho anh Dương Trung H2 là chủ của hàng mua bán điện thoại số 38 Ng - phường C – quận Tr – Hà Nội được 400.000 đồng (Bốn trăm ngàn đồng). Do bán điện thoại được ít tiền nên D gọi điện nhờ Tr1 bảo M1 viết giấy vay của D 5.500.000 đồng (Năm triệu năm trăm ngàn đồng) và để lại xe máy làm tin (lúc này D vẫn đang sử dụng xe máy của M1), mục đích để D đem tiếp chiếc xe máy của M1 đi cầm cố lấy tiền. Tr1 khai do Tr1 không biết rõ họ tên và năm sinh của D nên Tr1 đã hướng dẫn M1 viết 01 (Một) giấy mượn tiền với nội dung là; ngày 08/4/2017 M1 mượn tiền của Văn Cát T và để xe máy lại để làm tin. (Tr1 bảo M1 viết giấy vay 5.500.000 đồng (Năm triệu năm trăm ngàn đồng) nhưng M1 tự viết tay là 7.000.000 đồng). Quá trình ngồi tại nhà Tr1 thì L1 có kể lại cho M1 nghe việc L1 bị D dọa đánh, phải tìm bằng được M1 để đền điện thoại. Khi M1 viết giấy vay tiền xong C1, T, L1 rủ M1 đi chơi điện tử ở đầu ngõ Th.

Do không cầm cố được xe máy cho ai nên đến 15h cùng ngày D buộc phải đi xe máy quay về nhà Tr1. Lúc này Tr1 đưa giấy vay tiền do M1 viết cho D nhưng D nói giấy này không cần thiết nữa, vì vậy Tr1 xé giấy vay tiền đó đi và vứt vào

thùng rác. D đi ra quán điện tử gặp M1 thông báo việc không cầm cố được xe rồi bảo M1 cho số điện thoại của mẹ M1 (là bà Trương Thị Ph1). Sau đó D liên tục gọi điện đe dọa, yêu cầu bà Ph1 phải nộp 5.000.000 đồng cho D, nếu không nộp trước 16h ngày 11/4/2017 thì sẽ phải nhận xác M1 về.

Lo sợ về việc con mình có thể bị xâm hại đến tính mạng, sức khỏe nên bà Trương Thị Ph1 đã hứa sẽ đem 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) đến cho D, đồng thời bà đến Công an phường S, quận L trình báo. Trong thời gian chờ bà Ph1 thì D giao lại xe máy cho M1 (D vẫn cầm chìa khóa xe máy của M1) và hẹn với M1: nếu nhận được số tiền 5.000.000 đồng của bà Ph1 thì D sẽ trả lại chìa khóa xe và cho lại M1 1.000.000 đồng, còn D chỉ lấy 4.000.000 đồng. Khoảng 19h ngày 11/4/2017, khi D đưa M1 ra đứng ở cổng trường Trung học cơ sở Tr, phường Th2, quận Tr, Hà Nội để đợi bà Ph1 đem tiền đến thì bị tổ công tác Công an phường S phát hiện, đưa D, M1 cùng chiếc xe máy của M1 về trụ sở Công an quận L để làm rõ.

Tại cơ quan Công an, Trần Việt D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung trên. Ban đầu Lê Phúc M1 do sợ bị D trả thù nên đã khai cùng với D tạo dựng việc bị bắt cóc để chiếm đoạt tiền của mẹ mình, nhưng sau đó M1 đã khai báo lại phù hợp với lời khai của D và phù hợp với tài liệu chứng cứ thu thập trong vụ án. M1 khai khi viết giấy mượn tiền của T đã tự ý viết tăng số tiền lên 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng) (chứ không phải bị Tr1 ép buộc). Tuy nhiên do việc đặt xe máy không thành, về ý chí D đã yêu cầu hủy và Tr1 đã xé bỏ tờ giấy đó đi nên Cơ quan điều tra đã xem xét không xử lý đối với D và Tr1 về hành vi trên.

Cơ quan điều tra đã thân dẫn Trần Việt D đến cửa hàng điện thoại của anh Dương Trung H2, anh H2 đã tự nguyện giao nộp lại chiếc điện thoại Iphone 4 là tang vật của vụ án. Còn chiếc điện thoại di động Samsung Note 2 màu trắng, anh H2 khai đã bán lại cho khách hàng không quen biết nên không thu hồi được.

Bản Kết luận định giá số 76/KL ngày 31/7/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự quận L kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone

4 màu đen (bị vỡ kính sau) trị giá là : 1.000.000 đồng (Một triệu đồng); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Note 2 màu trắng trị giá là 800.000 đồng (Tám trăm ngàn đồng). Tổng trị giá tài sản là 1.800.000 đồng (Một triệu tám trăm ngàn đồng) (BL 136).

Về phần dân sự: Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an quận L đã ra quyết định xử lý vật chứng, trao trả cho anh Phạm Thế H1 (là người cho Lê Phúc M1 mượn tài sản) 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 4 màu đen bị vỡ kính sau và 01 (Một) xe máy Honda Wave RSX, màu đỏ - đen BKS: 30P9 – 1326. Đối với chiếc điện thoại di động Samsung Note 2 màu trắng không thu hồi được, M1 đã tự khắc phục đền tiền cho anh H1. Do giá trị tài sản không lớn nên M1 không yêu cầu Trần Việt D phải bồi thường.

Đối với anh Dương Trung H2: Khi mua 02 (Hai) chiếc điện thoại di của Trần Việt D anh không biết đó là tài sản do D phạm tội mà có. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận L không đặt vấn đề xử lý đối với anh Dương Trung H2 về hình sự là có căn cứ. Về dân sự anh H2 không yêu cầu D phải hoàn trả anh số tiền anh đã bỏ ra để mua chiếc điện thoại Iphone 4 mà anh đã giao nộp cho cơ quan công an.

Đối với anh Nguyễn Trọng C1, Đoàn Văn Tr1 và Văn Cát T: C1, Tr1 chỉ quen D qua L1 và được D cho biết là Lê Phúc M1 lấy trộm điện thoại của D nên bị D bắt đền, họ không được bàn bạc, ăn chia gì với D về số tiền chiếm đoạt được của Lê Phúc M1. Liên quan đến Văn Cát T tại giấy vay tiền của M1 là do Tr1 tự nghĩ ra vì không rõ họ tên đầy đủ của D chứ T không liên quan. Hiện L1 là đối tượng lang thang, các đối tượng chỉ quen biết nhau qua mạng xã hội nên cơ quan Công an không ghi được lời khai. Tuy nhiên theo lời khai của các nhân chứng thể hiện L1 cũng bị D đe dọa và ép làm theo ý định của D. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận L không đặt vấn đề xử lý đối với các đối tượng trên.

Đối với thủ đoạn của Trần Việt D: D không chế yêu cầu anh Lê Phúc M1 lên xe taxi và chở anh M1 đến nhà Đoàn Văn Tr1 nhằm mục đích để cưỡng đoạt tài sản. Quá trình ở tại nhà Tr1, bản thân anh M1 không bị giam giữ nên xét hành vi đó

của D không cấu thành tội Bất giữ người trái pháp luật. Do vậy cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an quận L không đặt vấn đề xử lý về tội danh này đối với Trần Việt D.

Tại bản cáo trạng số 270/CT-VKS ngày 28/9/2017 của Viện kiểm sát nhân dân quận L đã truy tố Trần Việt D về tội **“*Cưỡng đoạt tài sản*”** theo Khoản 1 Điều 135 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hôm nay thấy rằng: Hành vi của bị cáo Trần Việt D đã đủ yếu tố cấu thành tội: **“*Cưỡng đoạt tài sản*”** theo Điều 135 Bộ luật hình sự nên giữ nguyên bản cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 135; điểm điểm p, b Khoản 1 Điều 46, Điều 33 Bộ luật hình sự. **Về hình phạt:** Đề nghị xử phạt bị cáo D mức án từ 15 đến 18 tháng tù. Về dân sự anh M1 và anh H2 đều không có yêu cầu bồi thường nên không xem xét. Số tiền 400.000 đồng thu lời bất chính từ hành vi phạm tội của bị cáo đã được bị cáo và gia đình tự nguyện nộp, sung công quỹ Nhà nước. Bị cáo chịu án phí HSST.

Bị cáo Trần Việt D trình bày lời nói sau cùng: Bị cáo nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và mong muốn được sự khoan hồng để có điều kiện cải tạo thành công dân có ích cho xã hội.

NHÂN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận thấy như sau:

- Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an quận L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã

khai báo thành khẩn và không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

- Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, bản kết luận giám định, lời khai người bị hại, người làm chứng cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ và nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Ngày 11/4/2017, tại phố V, phường S, quận L, Hà Nội, Trần Việt D đã có hành vi khống chế, ép anh Lê Phúc M1 phải lên xe taxi để đến nhà Đoàn Văn Tr1 ở số 11 ngách 15 ngõ Th, phường Th, Đ, Hà Nội, sau đó uy hiếp tinh thần để chiếm đoạt 02(Hai) chiếc điện thoại di động trị giá 1.800.000 đồng (Một triệu tám trăm ngàn đồng) của anh M1. Tiếp đó D bắt anh M1 cho số điện thoại của mẹ anh M1 là bà Trương Thị Ph1, rồi đe dọa sẽ xâm hại đến tính mạng, sức khỏe của anh M1 nhằm mục đích chiếm đoạt số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) của bà Ph1. Tổng trị giá tài sản bị xâm hại là 6.800.000 đồng (Sáu triệu, tám trăm ngàn đồng). Hành vi của bị cáo Trần Việt D đã phạm vào tội: **Cưỡng đoạt tài sản**. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 135 của Bộ luật hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân quận L đã đưa ra các chứng cứ buộc tội và truy tố các bị cáo về tội: **“Cưỡng đoạt tài sản”** theo Khoản 1 Điều 135 Bộ luật Hình sự là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Bị cáo nhận thấy việc làm của bản thân là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét mở lượng khoan hồng cho bị cáo.

Hành vi của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, vì động cơ vụ lợi bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được Bộ luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng mức hình phạt tù đối với bị cáo là có căn cứ và phù hợp với pháp luật.

Về nhân thân bị cáo có 01 (Một) tiền sự đã được xóa nhưng vẫn bị coi là người có nhân thân xấu. Tuy nhiên khi lượng hình cũng xem xét, tại cơ quan điều

tra, tại phiên tòa bị cáo thành khẩn nhận tội, ăn năn hối cải, bị cáo đã tác động gia đình nộp tiền thu lời bất chính, khắc phục hậu quả, bị cáo chưa chiếm đoạt được số tiền 5.000.000 đồng của bà Ph1. Tài sản chiếm đoạt là 01 (Một) chiếc điện thoại Iphone 4 đã thu hồi được, chỉ còn 01 (Một) điện thoại Samsung Note 2 màu trắng không thu hồi được. Vì vậy HĐXX cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Về phần dân sự: Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an quận L đã ra quyết định xử lý vật chứng, trao trả cho anh Phạm Thế H1 (là người cho Lê Phúc M1 mượn tài sản) 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 4 màu đen bị vỡ kính sau và 01 (Một) xe máy Honda Wave RSX, màu đỏ - đen BKS: 30P9 – 1326. Đối với chiếc điện thoại di động Samsung Note 2 màu trắng không thu hồi được, M1 đã tự khắc phục đền tiền cho anh H1. Do giá trị tài sản không lớn nên M1 không yêu cầu Trần Việt D phải bồi thường.

Đối với anh Dương Trung H2: Khi mua 02 (Hai) chiếc điện thoại di động của Trần Việt D anh không biết đó là tài sản do D phạm tội mà có. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận L không đặt vấn đề xử lý đối với anh Dương Trung H2 về hình sự là có căn cứ. Về dân sự anh H2 không yêu cầu D phải hoàn trả anh số tiền anh đã bỏ ra để mua chiếc điện thoại Iphone 4 mà anh đã giao nộp cho cơ quan công an.

Như vậy về dân sự các anh M1, H2, H1 đều không có yêu cầu bồi thường về dân sự nên HĐXX không đặt vấn đề giải quyết trong bản án.

Sung công quỹ Nhà nước số tiền 400.000 đồng (Bốn trăm ngàn đồng) do phạm tội mà có do bị cáo và gia đình tự nguyện nộp.

Đối với anh Nguyễn Trọng C1, Đoàn Văn Tr1 và Văn Cát T: C1, Tr1 chỉ quen D qua L1 và được D cho biết là Lê Phúc M1 lấy trộm điện thoại của D nên bị D bắt đền, họ không được bàn bạc, ăn chia gì với D về số tiền chiếm đoạt được của Lê Phúc M1. Liên quan đến Văn Cát T tại giấy vay tiền của M1 là do Tr1 tự nghĩ ra vì không rõ họ tên đầy đủ của D chứ T không liên quan. Hiện L1 là đối tượng lang

thang, các đối tượng chỉ quen biết nhau qua mạng xã hội nên cơ quan Công an không ghi được lời khai. Tuy nhiên theo lời khai của các nhân chứng thể hiện L1 cũng bị D đe dọa và ép làm theo ý định của D. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận L không đặt vấn đề xử lý đối với các đối tượng trên.

Đối với thủ đoạn của Trần Việt D: D không chế yêu cầu anh Lê Phúc M1 lên xe taxi và chở anh M1 đến nhà Đoàn Văn Tr1 nhằm mục đích để cưỡng đoạt tài sản. Quá trình ở tại nhà Tr1, bản thân anh M1 không bị giam giữ nên xét hành vi đó của D không cấu thành tội Bắt giữ người trái pháp luật. Do vậy cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an quận L không đặt vấn đề xử lý về tội danh này đối với Trần Việt D.

- **Về án phí:** Áp dụng Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội;

Buộc bị cáo Trần Việt D phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí HSST. Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo **Trần Việt D** phạm tội **Cưỡng đoạt tài sản**

- Áp dụng Khoản 1 Điều 135; điểm p, b Khoản 1 Điều 46, Điều 33 của Bộ luật hình sự.

- Áp dụng Điều 224 Bộ luật tố tụng hình sự;

Xử phạt: Trần Việt D **13 (Mười ba)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt ngày **16/4/2017**.

2. Về tang vật: Áp dụng Khoản 2 Điều 41 của Bộ luật hình sự, Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

Sung công quỹ Nhà nước khoản tiền 400.000 đồng (Bốn trăm ngàn đồng) do phạm tội mà có (Biên lai thu tiền số 09825 ngày 28/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận L, TP.Hà Nội).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Việt D phải chịu **200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng)** án phí HSST.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 231 và Điều 234 Bộ luật tố tụng hình sự:

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo, vắng mặt người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Bị cáo Trần Việt D có quyền kháng cáo trong hạn **15 (Mười lăm)** ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Bà Trương Thị Ph1 và anh Lê Phúc M1, anh Phạm Thế H1, anh Dương Trung H2 có quyền kháng cáo trong hạn **15 (Mười lăm)** ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân quận L TP.Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân quận L;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận L;
- Sở Tư pháp TP. Hà Nội;
- Thi hành án hình sự;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thu Hằng